

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

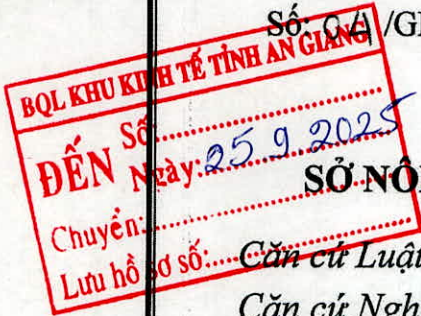
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/GPMT-SNNMT

An Giang, ngày 08 tháng 4 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG



Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về việc thành lập Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang trên cơ sở hợp nhất Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Căn cứ kết quả thẩm định cấp giấy phép môi trường của Cơ sở Hạ tầng Kỹ thuật Khu thương mại - Dịch vụ cửa khẩu Khánh Bình (Giai đoạn 01) (Giai đoạn hoạt động) theo Công văn số 1927/STNMT-MT ngày 10 tháng 06 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và Biên bản họp Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang số 575/BQLKKT-QLQH XD ngày 21 tháng 3 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoáng sản, Nước và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang (sau đây viết tắt là Chủ cơ sở), địa chỉ tại số 02, đường số 20, khóm Tây Khánh 1, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ



môi trường của Cơ sở Hạ tầng Kỹ thuật Khu thương mại - Dịch vụ cửa khẩu Khánh Bình (Giai đoạn 01) (Giai đoạn hoạt động) tại ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Cơ sở: Hạ tầng Kỹ thuật Khu thương mại - Dịch vụ cửa khẩu Khánh Bình (Giai đoạn 01) (Giai đoạn hoạt động).

1.2. Địa điểm hoạt động: ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

1.3. Quyết định thành lập: Cơ sở được thành lập theo Quyết định số 2402/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh An Giang.

1.4. Mã số thuế: 1600686865.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Hạ tầng kỹ thuật Khu Thương mại – Dịch vụ, được mời gọi đầu tư theo loại hình, ngành nghề được phê duyệt, bao gồm: Khu thương mại, dịch vụ, trưng bày và giới thiệu sản phẩm; Kho ngoại quan, bãi kiểm tra hàng hóa; Trạm xăng dầu; Nhà hàng, siêu thị, khách sạn, trung tâm thương mại; Nhà máy xử lý nông sản sau thu hoạch; Kho lưu trữ nông sản, rau củ quả; Nhà máy chế biến nông sản; Khu chiết xuất Gelatin và Dịch vụ vận tải.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

1.6.1. Phạm vi:

Cơ sở được thực hiện tại ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Hướng Bắc: giáp đất nông nghiệp và Trạm Kiểm soát Liên hợp Cửa khẩu Khánh Bình;

- Hướng Nam: giáp đất nông nghiệp, đường số 27 và đất công thuộc UBND thị trấn Long Bình quản lý;

- Hướng Đông: giáp đất nông nghiệp và Quốc lộ 91C (đường dẫn vào cầu Long Bình);

- Hướng Tây: giáp đất nông nghiệp, đường tỉnh 957, Trạm Kiểm soát Liên hợp Cửa khẩu Khánh Bình và đường số 29.

1.6.2. Quy mô, công suất:

Tổng diện tích sử dụng đất của cơ sở là 339.823,3m², đầu tư xây dựng hạ tầng khu thương mại với tổng vốn đầu tư là 237.231.119.000 đồng. Cơ sở có tiêu chí tương đương dự án nhóm A theo quy định của Luật đầu tư công và tương đương dự án đầu tư thuộc nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ cơ sở được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm (Từ ngày 08 tháng 4 năm 2025 đến ngày 08 tháng 4 năm 2032).

Các giấy phép môi trường thành phần theo quy định hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Phòng Khoáng sản, Nước và Môi trường, Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường, Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện An Phú tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Giám đốc Sở;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang;
- UBND huyện An Phú;
- Trung tâm PVHCC tỉnh An Giang;
- PKS, N&MT; Thanh tra Sở;
- VPĐKĐĐ tỉnh (đăng Website);
- Phòng NNMT huyện An Phú;
- UBND thị trấn Long Bình;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Trần Minh Nhựt



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 04/GPMT-SNNMT ngày 08/4/2025

của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải của các Doanh nghiệp thứ cấp sau khi được xử lý sơ bộ đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của Cơ sở.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt và nước thải phòng thí nghiệm của Nhà vận hành Hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt của Trạm Kiểm soát Liên hợp cửa khẩu Khánh Bình.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt của Khu Quản lý cửa khẩu Khánh Bình.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sau khi xử lý thoát ra nguồn tiếp nhận (sông Bình Di).

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Bình Di thuộc ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 vị trí xả nước thải sau xử lý vào sông Bình Di (dưới chân cầu Long Bình) tại ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang..
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 535817; Y = 1210352 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 700 m³/ngày.đêm, tương đương 29,17 m³/giờ

2.4. Phương thức xả nước thải: xả mặt, ven bờ.

2.5. Chế độ xả nước thải:

- Chế độ xả thải: Liên tục.
- Chu kỳ xả nước thải: Hàng ngày;
- Thời gian xả nước thải: 24 giờ/ngày.đêm.

2.6. Chất lượng nước thải: Nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ



thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A với hệ số $K_q = 1,1$; $K_f = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 ÷ 9	03 tháng/lần	Trạm quan trắc tự động với các thông số: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (NH_4^+ tính theo N).
2	BOD ₅ ở 20°C	mg/l	33		
3	COD	mg/l	82,5		
4	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	55		
5	Sunfua	mg/l	0,22		
6	Florua	mg/l	5,5		
7	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/l	5,5		
8	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/l	22		
9	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	4,4		
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5,5		
11	Clo dư	mg/l	1,1		
12	Clorua	mg/l	550		
13	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải phát sinh (nguồn số 01, nguồn số 02, nguồn số 03 và nguồn số 04) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu thương mại có tổng công suất thiết kế 700 m³/ngày đêm để xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể MBBR → Bể Aerobic → Bể lắng bùn → Bể chứa trung gian → Thiết bị lọc áp lực → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận (sông Bình Di).

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục: 01 trạm.
- Vị trí lắp đặt: 01 điểm tại Mương đo quan trắc của Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở (công suất 700m³/ngày.đêm), ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Tọa độ lấy mẫu: X = 536082; Y = 1210207; hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104⁰45', múi chiều 3⁰.
- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (NH₄⁺ tính theo N).
- Thiết bị lấy mẫu tự động: lắp đặt theo Bảng 3.4. Tổng hợp thông số kỹ thuật các thiết bị của Trạm quan trắc liên tục, tự động (Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường).
- Camera theo dõi: lắp camera giám sát.
- Kết nối, truyền số liệu: dữ liệu sẽ được truyền về Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố (nước thải):

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Xây dựng Hồ sự cố có công năng chứa nước thải với thể tích 1.408m³ (diện tích hồ 260,8 m²), thời gian lưu chứa trong 48 giờ.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và các yêu cầu vận hành.
- Nhân viên vận hành phải được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng thông xử lý nước thải tập trung.
- Thực hiện tốt việc quan trắc hệ thống xử lý nước thải như: Thiết lập chương trình quan trắc thích hợp cho trạm xử lý nước thải tập trung; Thực hiện tốt chương trình quan trắc; Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với trạm xử lý nước thải tập trung.
- Quy trình ứng phó sự cố: Trường hợp HTXLNT tập trung gặp sự cố, nước thải đầu vào được bơm về hồ sự cố có thể tích 1.408 m³ để lưu chứa, thời gian lưu trữ tại hồ sự cố trong tối đa 48 giờ. Sau khi đã khắc phục xong sự cố, nước thải từ hồ sự cố được bơm về HTXLNT tập trung để xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.
- Định kỳ duy tu, bảo trì thiết bị, máy móc của HTXLNT tập trung.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở (theo đề xuất của Chủ cơ sở):

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt-Co	50

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
3	pH	-	6 ÷ 9
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	250
5	COD	mg/l	500
6	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	150
7	Asen	mg/l	0,1
8	Chì	mg/l	0,3
9	Cadimi	mg/l	0,2
10	Tổng Cyanua	mg/l	0,09
11	Tổng Phenol	mg/l	0,18
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	15
13	Sunfua	mg/l	0,2
14	Florua	mg/l	5
15	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	40
16	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/l	60
17	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	8
18	Clorua	mg/l	1.000
19	Clo dư	mg/l	1
20	Coliform	Vi khuẩn/100ml	10 × 10 ⁶

(Tùy theo loại hình kinh doanh, dịch vụ, sản xuất trong vực cơ sở cũng như thành phần, tính chất nước thải của từng dự án sẽ thực hiện thỏa thuận, ký kết hợp đồng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải cho phù hợp).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 05 tháng (Từ ngày 15/05/2025 đến ngày 15/10/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 700³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí.

- Nước thải đầu vào: Trước hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 700m³/ngày.đêm.

- Nước thải đầu ra: sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 700m³/ngày.đêm trước khi thải ra sông Bình Di, tọa độ (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiều 3°): X = 535817; Y = 1210352.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 40: 2011/BTNMT (Cột A); $K_q = 1,1$; $K_f = 1,0$
1	pH	-	6 ÷ 9
2	BOD ₅ ở 20°C	mg/l	33
3	COD	mg/l	82,5
4	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	55
5	Sunfua	mg/l	0,22
6	Florua	mg/l	5,5
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	5,5
8	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/l	22
9	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	4,4
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5,5
11	Clo dư	mg/l	1,1
12	Clorua	mg/l	550
13	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Chủ dự án tự chịu trách nhiệm việc thực hiện tổ chức lấy mẫu, đánh giá nước thải.

- Giai đoạn vận hành ổn định:

+ Lần 1: Thu 01 mẫu đơn nước thải đầu vào và 01 mẫu đơn nước thải đầu ra. Thời gian lấy mẫu: ngày 03/8/2025.

+ Lần 2: Thu 01 mẫu đơn nước thải đầu ra. Thời gian lấy mẫu: ngày 04/8/2025.

+ Lần 3: Thu 01 mẫu đơn nước thải đầu ra. Thời gian lấy mẫu: ngày 05/8/2025.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải; không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn môi trường ra trực tiếp môi trường.

3.3. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

trường. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải của Dự án.

3.4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường và quy định pháp luật khác có liên quan.

3.5. Trong quá trình xả nước thải sau xử lý ra sông Bình Di nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới môi trường, chủ Dự án phải báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện An Phú, Ủy ban nhân dân thị trấn Long Bình và tổ chức khắc phục sự cố theo quy định./.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 04/GPMT-SNNMT ngày 08/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải từ ống khói thải máy phát điện dự phòng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: Ống khói thải từ máy phát điện dự phòng được thải ra ngoài môi trường.

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Địa chỉ: ấp An Khánh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang.
- Tọa độ vị trí xả thải: X = 536072; Y = 1210189, Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiều 3° (nằm trong khuôn viên Nhà máy xử lý nước thải tập trung của cơ sở).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 2.500 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: gián đoạn (xả thải khi hoạt động vận hành máy phát điện).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B; Kp = 1,0; Kv = 1,0), cụ thể như sau:

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	CO	mg/Nm ³	1.000		
3	SO ₂	mg/Nm ³	1.500		
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	1.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải từ máy phát điện dự phòng xả ra môi trường qua 01 ống khói thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Quy trình công nghệ: Khí thải máy phát điện → Ống khói thải.
- Nhiên liệu sử dụng: Dầu DO.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ tiến hành bảo dưỡng.
- Khi có sự cố, dừng hoạt động, kiểm tra hệ thống máy phát điện.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.3. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải theo quy định.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để tổ chức khắc phục sự cố theo quy định./.



Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 04/GPMT-SNNMT ngày 08/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Cụm máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Nguồn số 01: vị trí xả thải có tọa độ X = 536072; Y = 1210189; hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104⁰45', múi chiều 3⁰

+ Nguồn số 02: vị trí xả thải có tọa độ X = 536070; Y = 1210184; hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104⁰45', múi chiều 3⁰

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ-21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Từ 6 giờ-21 giờ	Từ 21 giờ-6 giờ	-	Khu vực thông thường
	70	60		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Định kỳ kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng máy móc, thiết bị; Bố trí phòng đặt máy phát điện dự phòng để giảm thiểu tiếng ồn phát sinh, đồng thời đặt lớp đệm cao su chống rung và giảm thiểu tiếng ồn tại chân máy

- Bố trí cây xanh xung quanh Nhà máy vừa làm hàng rào bảo vệ vừa có tác dụng lọc không khí vừa cải thiện vẻ mỹ quan.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn./.



Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG (Kèm theo Giấy phép môi trường số 04/GPMT-SNNMT ngày 08/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Các loại dầu, mỡ độc hại	Lỏng	16 01 08	10
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	2
3	Giẻ lau dính dầu mỡ	Rắn	18 02 01	3
4	Thùng, bao bì chứa hóa chất hoặc bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 04	5
5	Hộp mực máy in thải	Rắn	08 02 04	3
6	Bảng mạch điện tử, tụ điện thải	Rắn	16 01 13	1
7	Can nhựa đựng Clorine thải	Rắn	18 01 13	10
8	Thùng phuy nhiễm dầu mỡ	Rắn	18 01 02	15
9	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	Rắn	19 05 02	2
10	Chất thải rắn từ buồng lọc cát sỏi và các bộ phận khác của thiết bị tách dầu/nước	Rắn	17 05 01	30
Tổng cộng:				81

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 162,4 kg/ngày.
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường khoảng 70-80 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 06 thùng lưu chứa.

2.1.2. Kho lưu chứa bên trong: Bố trí 01 kho chứa với diện tích 6 m² (kích thước: 3m x 2m) để lưu trữ chất thải nguy hại. Kết cấu: Công trình 1 tầng, khung

thép tiền chế. Nền bê tông M200 đá 1x2, mái lợp tole. Tường xây gạch block bê tông dày 100mm, cao 0,5m, phía trên vách tole cao đến mái. Bê tông lót móng B7,5 (M100), đá 4x6, dày 100mm.

Các doanh nghiệp thành viên tự quản lý chất thải nguy hại phát sinh tại doanh nghiệp mình theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí 01 thùng nhựa 120L để chứa rác công nghiệp thông thường. Thùng rác được bố trí ở tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Chủ cơ sở hợp đồng với các đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển lượng rác thải công nghiệp thông thường định kỳ 01 lần/ngày chung với rác thải sinh hoạt.

Các doanh nghiệp thành viên tự quản lý chất thải rắn công nghiệp phát sinh tại doanh nghiệp mình theo đúng quy định.

2.2.2. Kho lưu chứa: Không có kho lưu chứa riêng chất thải công nghiệp thông thường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 02 thùng nhựa 120L có nắp đậy để chứa rác sinh hoạt.

Chủ cơ sở hợp đồng với các đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển định kỳ 01 lần/ngày.

Các doanh nghiệp thành viên tự quản lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại doanh nghiệp mình theo đúng quy định.

2.3.2. Kho lưu chứa: Bố trí khu lưu giữ tạm diện tích 2 m^2 (sử dụng diện tích 2 m^2 trên tổng diện tích $6,6\text{ m} \times 3,9\text{ m} = 25,74\text{ m}^2$ của Nhà đặt máy phát điện, nhà kho: Công trình 1 tầng, kết cấu khung BTCT chịu lực B20 (M250)) có mái che ngăn nước mưa, hợp đồng với đơn vị đủ điều kiện hoạt động thu gom hàng ngày và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG: -./.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 04/GPMT-SNNMT ngày 08/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG: -

- Tổ chức thực hiện các biện pháp, công trình thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải; thu gom, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý; có biện pháp kiểm soát, giảm thiểu, tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình thi công xây dựng theo đúng nội dung cam kết trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác có liên quan.

- Đảm bảo Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường của cơ sở được bố trí phù hợp với các loại hình đầu tư trong Khu thương mại – dịch vụ, bảo đảm giảm thiểu tác động xấu đối với môi trường xung quanh và phải được xây dựng, hoàn thành trước khi các cơ sở trong Khu thương mại – dịch vụ đi vào hoạt động, đảm bảo theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Trong trường hợp chưa đáp ứng các yêu cầu nêu trên, đề nghị Chủ cơ sở có Văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và quyết định.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động bảo vệ môi trường tại cơ sở, đề nghị Chủ cơ sở chấp hành nghiêm chỉnh. Trường hợp thay đổi Chủ cơ sở thì Chủ cơ sở mới có trách nhiệm thực hiện các trách nhiệm đã được quy định tại Giấy phép môi trường này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Quản lý chất thải phát sinh trong toàn bộ quá trình hoạt động đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, sự cố môi trường, sự cố hóa chất,... theo các quy định pháp luật hiện hành.

Thực hiện trách nhiệm của Chủ cơ sở trong thực hiện bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải (nếu có)) hoặc báo cáo đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.